**TRẮC NGHIỆM TỰ SOẠN GỬI TRÒ KHỐI 7 (Lưu ý: các trò đọc bài trước và đáp án)**

**Câu 1.** Cho các đặc điểm sau:

I. Da khô có vảy sừng bao bọc giúp ngăn cản sự thoát hơi nước của cơ thể.

II. Có cổ dài để phát huy vai trò giác quan đầu, tạo điều kiện bắt mồi dễ dàng.

III. Mắt có mi cử động để bảo vệ mắt.

IV. Có nước mắt để màng chất không bị khô.

V. Màng nhĩ nắm trong hốc nhỏ bên đầu để bảo vệ màng nhĩ và hướng dao động âm thanh vào

màng nhĩ.

VI. Thân dài, đuôi rất dài là động lực chính của sự di chuyển.

VII. Bàn chân có 5 ngón, có vuốt, thích hợp tham gia di chuyển trên cạn.

Có bao nhiêu đặc điểm thể hiện thằn lằn bóng đuôi dài thích nghi hoàn toàn với đời sống trên cạn?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 7 | B. 6 | C. 5 | D. 4 |

**Câu 2.** Nói về tập tính của thằn lằn bóng đuôi dài, có bao nhiêu phát biểu đúng?

I. Sống ở những nơi ẩm ướt.

II. Thích phơi nắng.

III. Bắt mồi vào ban đêm.

IV. Trú đông ở các hang đất ẩm ướt gần ao, hồ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 0 | B. 1 | C. 2 | D. 3 |

**Câu 3.** Vai trò của thân và đuôi trong động tác di chuyển của thằn lằn bóng đuôi dài là:

A. Thân và đuôi uốn mình bám sát vào đất, tạo nên một trường lực vào đất đẩy con vật tiến lên.

B. Thân và đuôi uốn mình bám sát vào đất, tạo nên một phản lực vào đất đẩy con vật tiến lên.

C. Thân và đuôi uốn mình bám sát vào đất, tạo nên một quán tính đẩy con vật tiến lên.

D. Thân và đuôi uốn mình bám sát vào đất, tạo nên một lực ma sát vào đất đẩy con vật tiến lên.

**Câu 4.** Có bao nhiêu cơ quan giao phối trên cơ thể thằn lằn bóng đuôi dài đực?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 0 | B. 1 | C. 2 | D. 3 |

**Câu 5.** Sự phát triển trực tiếp của thằn lằn bóng đuôi dài mới nở thể hiện ở:

A. Con non đã biết đi tìm mồi mà không cần sự hướng dẫn của bố mẹ.

B. Con non đã biết đi tìm mồi mà chỉ sự hướng dẫn của bố mẹ trong thời gian ngắn.

C. Con non đã biết đi tìm mồi dưới sự hướng dẫn của bố mẹ trong thời gian dài.

D. Bố mẹ bắt mồi và mớm thức ăn cho con non.

**Câu 6.** Đâu là cơ quan hô hấp của thằn lằn bóng đuôi dài?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phổi | C. Mang |
| B. Da | D. Phổi và da |

**Câu 7.** Quan sát hình vẽ sau về cấu tạo trong của

thằn lằn bóng đuôi dài Cho các nhận định sau. Có

bao nhiêu nhận định đúng?

I. Hình bên mô tả hệ tuần hoàn của thằn lằn bóng.

II. Tim 4 ngăn có vách hụt.

III. (a) là vách hụt.

IV. (b) là tâm thất.

V. (c) là tâm thất trái.

VI. (2) là mao mạch ở phổi.

VII. Máu nuôi cỏ thể là máu tươi.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 5 | B. 6 | C. 4 | D. 3 |

**Câu 8.** Thận sau của thằn lằn bóng đuôi dài tiến bộ hơn thận của ếch vì:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Có khả năng tiết enzyme bài tiết | C. Có khả năng tiết hormone tuyến thượng thận |
| B. Có khả năng đẩy nước dư thừa vào máu | D. Có khả năng hấp thu lại nước. |

**Câu 9.** Cho các động vật sau: cá sấu Xiêm, rùa tai đỏ, rắn ráo, giun đất, giun đũa, thằn lằn bóng, đồi mồi, trăn, ba ba, cá hồi, cua, ếch giun, ễnh ương, cá chép. Có bao nhiêu loài thụ tinh trong?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 8 | B. 7 | C. 6 | D. 5 |

**Câu 10.** Cho các động vật sau: cá sấu Xiêm, rùa tai đỏ, rắn ráo, giun đất, giun đũa, thằn lằn bóng, đồi mồi, trăn, ba ba, cá cóc Tam Đảo, ếch giun, cua. Có bao nhiêu động vật thuộc lớp Bò sát?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 8 | B. 7 | C. 6 | D. 5 |

**Câu 11.** Có bao nhiêu phát biểu đúng?

I. Tổ tiên của bò sát được hình thành cách đây khoảng 280-230 triệu năm.

II. Khủng long chỉ sống ở trên cạn và trên không trung.

III. Khủng long là động vật hằng nhiệt.

IV. Khủng long bị diệt vong cách đây 65 triệu năm, khi Trái Đất xuất hiện chim và thú.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 | B. 2 | C. 3 | D. 4 |

**Câu 12.** Nói về vai trò của lớp bò sát, có bao nhiêu phát biểu đúng?

I. Có ích cho nông nghiệp vì tiêu diệt sâu bọ, loài gặm nhấm.

II. Cho lông làm chăn đệm và làm đồ trang trí.

III. Có giá trị thực phẩm và dược phẩm.

IV. Cho sức kéo, phục vụ trong nông nghiệp.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 | B. 2 | C. 3 | D. 4 |

**Câu 13.** Cho các đặc điểm sau:

I. Thân chim hình thoi làm giảm sức cản không khí khi bay.

II. Lông vũ gồm lông ống và lông tơ.

III. Lông tơ mọc áp sát vào thân, có phiến lông rộng.

IV. Chi sau có bàn chân dài gồm 4 ngón, trong đó 3 ngón trước không có vuốt và 1 ngón sau có vuốt.

V. Hàm không có răng.

VI. Tuyến nước bọt tiết chất nhờn khi chim rỉa lông làm lông mịn, không thấm nước.

Có bao nhiêu đặc điểm đúng với chim bồ câu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 6 | B. 5 | C. 3 | D. 4 |

**Câu 14.** Đâu không phải là đặc điểm của kiểu bay lượn:

A. Cánh đập chậm rãi và không liên tục .

B. Cánh dang rộng mà không đập.

C. Bay chủ yếu dựa vào sự nâng đỡ của không khí và hướng thay đổi của luồng gió.

D. Bay ngược chiều luồng gió để không khí ma sát với cánh một lực lớn nhất.

**Câu 15.** Chi sau có vuốt giúp chim bồ câu:

A. Cắp mồi với độ chính xác cao.

B. Bám chặt vào cành cây.

C. Xua đuổi kẻ thù nguy hiểm.

D. Chim bồ câu đực mời gọi bạn tình trong mùa sinh sản.

**Câu 16.** Cho bộ xương chim bồ câu, có bao nhiêu phát biểu đúng:

I. (1) là xương đầu.

II. (2) là các đốt sống cổ.

III. (3) là các đốt sống cùng và cụt.

IV. (4) là xương đai hông.

V. (5) là xương sườn.

VI. (6) là xương mỏ ác.

VII. (7) là xương đai chi trước.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 7 | B. 6 | C. 6 | D. 5 |

**Câu 17.** Có bao nhiêu phát biểu đúng về hệ tuần hoàn của chim bồ câu?

I. Tim 4 ngăn, máu đi nuôi cơ thể là máu tươi giàu oxi.

II. Van tim giữ máu chỉ chảy theo một chiều.

III. Tim gồm: tâm thất trái, tâm thất phải, tâm nhĩ trái và tâm nhĩ phải.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 | B. 0 | C. 3 | D. 2 |

**Câu 18.** Có bao nhiêu phát biểu đúng về hệ hô hấp của chim bồ câu?

I. Phổi nằm trong hốc sườn hai bên sống lưng.

II. Hôi hấp nhờ sự thay đổi thể tích diều.

III. Phổi có chức năng giảm khối lượng riền chủa chim và giảm ma sát nội quan khi bay.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 3 | B. 0 | C. 1 | D. 2 |

**Câu 19.** Cho các động vật sau: dẽ, cốc, bồ câu, đà điểu, le le, cú, quạ, dơi, chim sẻ, hải âu, gà, công, cá chuồn, bướm, chuồn chuồn, muỗi, ong. Có bao nhiêu loài thuộc lớp Chim và bay giỏi?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 5 | B. 7 | C. 9 | D. 10 |

**Câu 20.** Điều nào sau đây không đúng với lưỡng cư:

 a. có hai vòng tuần hoàn b. tim có ba ngăn, tâm thất chứa máu pha

 c. là động vật hằng nhiệt d. thích nghi đời sống dưới nước và trên cạn.

**Câu 21.** Ếch trưởng thành hô hấp bằng:

 a. da và phổi b. mang và phồi

 c. mang d. da và mang

**Câu 22.** Ở Việt Nam đã phát hiện được bao nhiêu loài lưỡng cư:

 a. 117 loài b. 127 loài

 c. 137 loài d. 147 loài

**Câu 23.** Thế giới có bao nhiêu loài bò sát:

 a. 56000 loài b. 5600 loài

 c. 65000 loài d. 6500 loài

**Câu 24.** Chi trước của thỏ ngắn dùng để:

 a. đào hang b. bật nhảy xa

 c. chạy d. bắt mồi

**Câu 25.** Ở bộ não thỏ, phần phát triển, điều khiển các hoạt động phức tạp là:

 a. hành tủy b. tiểu não

 c. não giữa d. thùy khứu giác

**Câu 26.** Tim của thằn lằn có:

 a. hai ngăn b. hai ngăn có vách hụt.

 c. ba ngăn d. ba ngăn có vách hụt.

**Câu 27.** Đặc điểm đặc trưng của hệ hô hấp ở Lưỡng cư là :

A. Hô hấp chủ yếu qua da và một phần bằng phổi. B. Chỉ hô hấp bằng da.

C. Chỉ hô hấp bằng phổi. D. Hô hấp chủ yếu bằng phổi và một phần qua da.

**Câu 28.** Đặc điểm đặc trưng cua hệ tuần hoàn ở lớp Bò sát là:

A. Có hai vòng tuần hoàn, tim ba ngăn với vách hụt, máu pha.

B. Có hai vòng tuần hoàn, tim hai ngăn, máu pha.

C. Có một vòng tuần hoàn, tim hai ngăn, máu pha.

D. Có hai vòng tuần hoàn, tim ba ngăn, máu đỏ tươi.

**Câu 29.** Mắt Thằn lằn có mí, cử động được giúp cho:

A. Bảo vệ mắt, không bị tác động cơ học và giúp mắt không bị khô.

B. Bảo vệ mắt, không bị tác động cơ học và giúp phát hiện kẻ thù.

C. Bảo vệ mắt, không bị khô và đánh lừa sâu bọ.

D. Bảo vệ mắt, không bị tác động cơ học và giúp bắt mồi dễ dàng.

**Câu 30.** Chim có tốc độ tiêu hóa nhanh hơn bò sát vì ?

A. Tuyến tiêu hóa lớn, có dạ dày tuyến và dạ dày cơ. B. Cơ quan tiêu hóa hoạt động tốt hơn.

C. Thức ăn dễ tiêu hóa. D. ống tiêu hóa dài, tuyến tiêu hóa lớn.

**Câu 31.** Thỏ chạy không dai sức bằng thú ăn thịt, song một số trường hợp vẫn thoát khỏi vì :

A. Thỏ chạy theo hình chữ z, thú chạy theo kiểu rượt đuổi.

B. Thỏ chạy theo kiểu rượt đuổi, thú chạy theo hình chữ z.

C. Do tập tính lẩn trốn khôn ngoan.

D. Kích thước cơ thể nhỏ, khó phát hiện.

**Câu 32.** Lớp Thú có đặc điểm chung.

A. Mình có lông mao, bộ răng phân hóa, nuôi con bằng sữa.

B. Mình có lông vũ, đẻ trứng.

C. Da khô có vảy sừng, đẻ trứng.

D. Da trần và ẩm, đẻ trứng.

**Câu 33.** Đặc điểm bộ răng: răng cửa lớn luôn mọc dài, thiếu răng nanh, có khoảng trống hàm, thuộc bộ Thú nào?

A. Bộ gặm nhấm. B. Bộ ăn thịt.

C. Bộ cá voi. D. Bộ ăn sâu bọ.

**Câu 34.** Đặc điểm sinh sản của Lớp Thú là:

A. Đẻ con và nuôi con bằng sữa. B. Đẻ con và phát triển qua biến thái

C. Đẻ nhiều trứng. D. Đẻ ít trứng.

**Câu 35.** Động vật ở môi trường hoang mạc đới nóng, có đặc điểm:

A. Màu lông nhạt, chân dài, có bướu mỡ. B. Bộ lông dày, lớp mỡ dưới da dày.

C. Màu lông trắng, chân ngắn. D. Màu lông nhạt, chân dài, có tập tính ngủ đông.

**Câu 36.** Nơi có độ đa dạng sinh học ít nhất là:

A. Sa mạc. B. Bãi cát.

C. Đồi trống. D. Cánh đồng lúa.

**Câu 37.** Để bảo vệ động vật quý hiếm, chúng ta cần:

A. Nhân giống động vật quý hiếm trong vườn quốc gia.

B. Đưa động vật quý hiếm về nuôi trong gia đình.

C. Săn tìm động vật quý hiếm.

D. Nuôi để khai thác động vật quý hiếm.